THU HƯƠNG

Những Mùa Thu Ở Bên Kia Nỗi Nhớ

V.N.

Nhân đọc bốn truyện ngắn trong
Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm

Tôi nghĩ, khi viết về chị Thu Hương, điều đáng nói không chỉ là bốn truyện ngắn của chị trong tuyển tập *Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm*, mà còn là cái tình của một người cầm bút đối với quê hương, thiên nhiên và những kỷ niệm tưởng đã ngủ yên trong lòng. Bốn truyện ngắn ấy cho ta gặp một Thu Hương vừa lãng mạn, vừa hóm hỉnh, vừa mang trong lòng những nỗi niềm của một người đã đi qua nhiều biến động. Tôi xin viết bài tùy bút dưới đây như một lời tri ngộ dành cho người bạn văn chưa từng gặp mặt.

... Một người bạn văn chưa từng gặp mặt

Trong đời sống văn chương, có những người ta quen biết từ lâu mà vẫn chưa hiểu nhau bao nhiêu; lại có những người chưa một lần gặp mặt, chưa từng ngồi chung một bàn cà phê, chưa có dịp chuyện trò trực tiếp, vậy mà khi đọc những trang viết của họ, ta bỗng cảm thấy như đã quen biết từ trước.

Tôi có cái duyên ấy với chị Thu Hương.

Chị thân ái ký tặng tôi tuyển tập *Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm*, xuất bản tháng 4 năm 2025, cùng với những văn hữu ở Seattle. Một món quà sách, tự nó, chưa hẳn đã làm nên tình thân. Có những quyển sách được trao tặng rồi nằm yên trên kệ, thỉnh thoảng mới được lấy xuống phủi bụi. Nhưng cũng có những quyển sách vừa mở ra, người đọc đã tìm thấy trong đó một điều gì gần gũi với tâm hồn mình. Từ trang sách, một mối giao tình âm thầm bắt đầu.

Tôi chưa gặp chị Thu Hương, nhưng đọc văn chị, tôi có cảm tưởng mình đang ngồi trò chuyện với một người đàn bà có tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu văn chương, thích rong chơi trên những nẻo đường xa, và đôi khi, giữa một cảnh đẹp đến nao lòng, vẫn không quên ngoái nhìn về một miền quê cũ.

Có lẽ những người đã sống qua một cuộc đổi đời lớn thường có một thứ ký ức như thế. Ký ức không phải lúc nào cũng hiện về trong những giờ phút buồn đau. Nhiều khi nó đợi đến lúc đời sống đã yên ổn, khi con cái đã trưởng thành, khi người ta có thể thong thả ngồi bên cửa sổ nhìn nắng chiều, mới bất chợt trở về. Một tiếng chim, một vầng trăng, một con đường núi, một cơn gió thoảng mùi rong biển cũng đủ mở tung cánh cửa của những năm tháng tưởng đã xa.

Chị Thu Hương là nhà văn, họa sĩ, và từng nhiều năm làm đồng chủ biên nguyệt san *Văn Hữu ở* Seattle. Theo lời giới thiệu trong tuyển tập, tạp chí ấy quy tụ văn nghệ sĩ từ nhiều nơi, với sự chăm chút về mỹ thuật trình bày và những bài vở phong phú. Ở cương vị nào, chị cũng dành nhiều nhiệt huyết cho văn học. Trước *Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm*, chị đã xuất bản hai tập truyện ngắn *Nắng và em* năm 1998 và *Trăng vỡ* năm 2014.

Nhìn vào những tác phẩm ấy, ta nhận ra một người viết đã có quá trình sáng tác lâu dài, không chỉ quanh quẩn với một đề tài hay một lối viết. Chị viết về kỷ niệm, về tình yêu, về những cảnh đời có thực được chuyển hóa qua trí tưởng tượng; chị cũng viết về những chuyến đi xa, những con đường mòn giữa rừng núi hoang sơ,

những vùng đất còn lưu dấu chân người xưa. Đó là một hướng đi khá đặc biệt trong văn chương Việt hải ngoại, nhất là khi người cầm bút lại là một phụ nữ, vừa thích phiêu lưu, vừa có con mắt của một họa sĩ.

Đọc chị, tôi thường có cảm giác rằng người đàn bà ấy có hai đời sống song song. Một đời sống ở bên ngoài, giữa núi rừng, hoa cỏ, những chuyến đi dài và những cảnh trí mênh mông của miền Tây Bắc Hoa Kỳ. Một đời sống khác ở bên trong, nơi những kỷ niệm về quê nhà, về người thân, về một thời lịch sử đau thương vẫn âm thầm tồn tại.

Hai đời sống ấy tưởng chừng trái ngược, nhưng thật ra lại bổ túc cho nhau. Càng đi xa, người ta càng hiểu thế nào là quê hương. Càng được sống giữa cảnh thanh bình, người ta càng nhớ đến những người đã không có được cái may mắn ấy.

Và trong bốn truyện ngắn của Thu Hương mà tôi vừa đọc, thiên nhiên chính là chiếc cầu nối hai đời sống ấy.

... Một chốn thời gian ngừng trôi: đi để tìm lại mình

Truyện thứ nhất, *Một chốn thời gian ngừng trôi*, đưa người đọc đến Stehekin, một vùng rừng núi xa xôi bên hồ Chelan, thuộc tiểu bang Washington.

Nếu chỉ kể chuyện đi chơi, đây hẳn là một chuyến du hành thú vị. Người đọc được theo chân hai vợ chồng qua những con đường núi, lên thuyền, vào rừng, dựng lều, đi bộ trên những lối mòn quanh co, nhìn những

triền núi, dòng suối, những cây thông cổ thụ và những loài hoa dại. Cảnh trí hiện ra khá cụ thể, có màu sắc, ánh sáng, âm thanh, có cả cái nóng của buổi trưa và cái lạnh của đêm rừng.

Nhưng nếu chỉ có cảnh đẹp thì truyện đã không đáng để chúng ta dừng lại lâu đến thế.

Điều thú vị là Thu Hương không dựng lên hình ảnh một nữ du khách lúc nào cũng hăng hái, khỏe mạnh, sẵn sàng chinh phục thiên nhiên. Trái lại, nhân vật nữ của chị có lúc mệt nhoài, thở không ra hơi, chỉ muốn ngồi nghỉ dưới một gốc cây. Chồng cứ tiếp tục đi, còn vợ thì tìm một chỗ có bóng mát để đọc sách, viết lách hoặc ngủ một giấc ngon lành.

Đó là một nét duyên của truyện.

Người ta thường thích kể về những cuộc chinh phục, về những đỉnh núi đã vượt qua, những con đường hiểm trở đã đi hết. Thu Hương lại cho ta thấy rằng không phải ai đến với núi rừng cũng có cùng một mục đích. Có người muốn chinh phục đỉnh cao; có người chỉ muốn ngồi bên một dòng suối, nhìn nước chảy qua những tảng đá, nghe chim hót và để cho tâm hồn mình được nghỉ ngơi.

Chồng chị thích đi xa, leo núi, vượt những con đường dài. Người vợ thích hoa, thích đọc sách, thích ngồi một mình giữa rừng. Hai sở thích khác nhau, nhưng không hề ngăn trở tình cảm vợ chồng. Người chồng vẫn vui vẻ đợi vợ, lo thức ăn, kể cho vợ nghe những khám phá mới. Người vợ, dù đôi khi than mệt, vẫn vui lòng đi theo

chồng, bởi nàng hiểu rằng niềm vui của người bạn đời cũng là một phần niềm vui của mình.

Tôi thích cái tình ấy. Nó không cần những lời thề nguyền lớn lao. Đôi khi, tình yêu chỉ là người này biết người kia thích gì, rồi âm thầm dành cho nhau một chút thời giờ, một đoạn đường, một buổi sáng hay một nhành hoa.

Trong truyện còn có những đoạn tác giả trò chuyện trực tiếp với người đọc, gọi những người yêu chữ là bạn, rủ rê họ cùng ngắm nắng, cùng đọc sách bên suối, cùng nằm dưới bầu trời đầy sao. Lối viết ấy tạo ra một không khí thân mật, như thể người kể chuyện không đứng bên ngoài cảnh vật để tường thuật, mà đang kéo chúng ta ngồi xuống bên cạnh mình.

Ta không chỉ nhìn thấy rừng núi; ta còn được mời gọi bước vào cái thú sống giữa rừng núi.

Tuy nhiên, phần sâu lắng nhất của truyện không nằm ở những cuộc đi bộ hay những cảnh đẹp. Nó nằm trong ký ức của một người đàn bà Việt Nam tị nạn.

Giữa vẻ hùng vĩ của thiên nhiên Hoa Kỳ, ký ức về ngày cuối tháng Tư năm 1975 bất chợt trở về. Hình ảnh con tàu chở hàng ngàn người, đứa trẻ mới chào đời, những người ra đi trong cảnh hỗn loạn, nỗi đau của người phải lìa quê hương và những giọt lệ âm thầm của một thời lưu lạc hiện lên giữa khung cảnh bình yên.

Đây là sự chuyển hướng đáng chú ý của truyện. Thiên nhiên không còn chỉ là đối tượng để thưởng ngoạn. Nó trở thành nơi người viết đối diện với quá khứ, nhìn lại

những mất mát và tự hỏi mình phải làm gì với ký ức ấy.

Bởi vậy, nhan đề *Một chốn thời gian ngừng trôi* có ý nghĩa hơn một lời ca tụng cảnh đẹp. Giữa rừng núi xa xôi, người đàn bà dường như thoát khỏi những lo toan thường nhật, nhưng thời gian trong tâm hồn nàng không hề ngừng trôi. Quá khứ vẫn sống, vẫn nhói đau, vẫn nhắc nhở nàng về những gì đã mất và những người không còn trở lại.

Chỉ có điều, trong khoảnh khắc ấy, nàng có thể sống cùng ký ức mà không bị ký ức hoàn toàn khuất phục.

Tôi nghĩ đó là điều đẹp nhất trong truyện: thiên nhiên không xóa được nỗi đau, nhưng giúp con người tìm một khoảng lặng để hiểu nỗi đau của chính mình.

Về nghệ thuật, truyện có ưu điểm ở những chi tiết sinh hoạt tự nhiên, những đoạn tả cảnh giàu màu sắc và giọng kể thân mật. Đôi chỗ, những lời tâm tình trực tiếp với độc giả và những đoạn suy tưởng nối tiếp nhau hơi dài, khiến mạch truyện đang thong thả bỗng trở nên nặng nề. Nhưng có lẽ chính sự không hoàn toàn tiết chế ấy cũng cho thấy một người viết đang có nhiều điều muốn nói, nhiều kỷ niệm chưa thể nói hết.

Đọc truyện này, tôi hiểu vì sao Thu Hương yêu những chuyến đi xa. Chị không chỉ đi để nhìn thấy những miền đất mới. Chị còn đi để tìm một nơi đủ yên tĩnh cho những miền ký ức cũ lên tiếng.

... Hư ảo: khi tình yêu còn lại trong khoảng không

Nếu *Một chốn thời gian ngừng trôi* là cuộc gặp gỡ giữa thiên nhiên và ký ức, thì *Hư ảo* lại là câu chuyện về tình yêu và mất mát.

Truyện mở đầu bằng hình ảnh Miêng ngâm mình trong bồn nước ấm, giữa ánh nến và tiếng nhạc. Một khung cảnh riêng tư, dịu dàng, tưởng như chỉ có hạnh phúc. Nhưng người bạn đời của Miêng, Kham, đã mất tích trong một chuyến leo núi. Anh rơi vào khe băng trên một đỉnh núi tuyết, để lại người vợ trẻ sống giữa những kỷ niệm không thể xóa nhòa.

Qua dòng hồi tưởng, người đọc được biết cuộc gặp gỡ của hai người trên một chuyến du thuyền ngắm hoàng hôn ở vịnh Elliott, những buổi hẹn hò, những bữa cơm chiều, những điệu nhạc và những lời trò chuyện về thơ văn.

Tình yêu trong truyện được kể bằng nhiều giác quan. Có màu trời lúc hoàng hôn, có tiếng nhạc, giọng hát trầm ấm, hương rượu vang, vòng tay, nụ hôn và nhịp tim. Thu Hương không chỉ muốn nói rằng Miêng yêu Kham; chị muốn người đọc cảm nhận được hạnh phúc mà Miêng từng có, để hiểu vì sao sự mất mát sau đó trở nên quá lớn.

Đây cũng là chỗ sở trường của một cây bút nữ: khả năng ghi nhận những rung động nhỏ bé trong đời sống tình cảm, những điều đôi khi người ta không nói ra nhưng vẫn cảm thấy rất rõ.

Một bàn tay được nắm lấy, một bản nhạc được nghe cùng nhau, một buổi chiều đứng nhìn mặt trời lặn, tất

cả đều có thể trở thành kỷ niệm suốt đời. Khi người yêu còn ở bên cạnh, những điều ấy tưởng như bình thường. Chỉ đến lúc người ấy không còn nữa, ta mới hiểu rằng hạnh phúc vốn không phải một khái niệm xa xôi. Nó đã từng nằm ngay trong những giờ phút rất đỗi bình thường ấy.

Kham mất tích, nhưng đối với Miêng, anh chưa thật sự ra khỏi đời nàng. Những vật dụng của anh vẫn còn nguyên trong nhà. Chiếc áo khoác vẫn treo ở chỗ cũ. Những bản nhạc từng nghe cùng nhau vẫn có thể gợi lại một giọng hát. Nhưng càng tìm cách sống với kỷ niệm, Miêng càng nhận ra khoảng trống mà người chồng để lại.

Có những mất mát không cần nhìn thấy thi thể người đã khuất mới trở thành sự thật. Một người có thể còn hy vọng, nhưng vẫn phải sống như thể mình đã mất tất cả.

Cái hay của *Hư ảo* nằm ở sự đối nghịch ấy: tình yêu đã từng rất cụ thể, rất gần gũi, rất có thật; nhưng khi người yêu biến mất, tất cả những gì còn lại lại giống như một giấc mộng.

Nhan đề truyện vì thế gợi ra một nghịch lý. Tình yêu có thể là điều chân thật nhất trong đời người, nhưng hạnh phúc mà ta tưởng sẽ kéo dài mãi mãi lại mong manh đến mức không ai có thể nắm giữ.

Tuy nhiên, nếu xét về nghệ thuật, *Hư ảo* cũng có những chỗ đáng bàn. Những đoạn miêu tả vẻ đẹp thể chất của Kham, những rung động tình ái và các hình ảnh ví von

đôi khi được đẩy lên quá nhiều, khiến cảm xúc có lúc trở nên dày đặc. Tác giả muốn diễn tả một tình yêu nồng nàn, nhưng nếu lược bớt một vài hình ảnh tương tự nhau, những chi tiết đắt giá nhất có lẽ sẽ nổi bật hơn.

Dẫu vậy, tôi không muốn đòi hỏi truyện phải lạnh lùng hơn mức cần thiết. Người đang yêu thường không nhìn người mình yêu bằng con mắt của một nhà phê bình. Và người đang đau khổ vì mất người yêu cũng chẳng thể kể nỗi đau của mình bằng một giọng hoàn toàn bình thản.

Điều đáng quý là Thu Hương đã làm cho nỗi mất mát của Miêng không chỉ là một bi kịch riêng tư. Nó còn nhắc ta nhớ rằng trong mỗi cuộc tình, dù đẹp đến đâu, vẫn có một phần đời sống nằm ngoài sự kiểm soát của con người.

Ta có thể yêu thương hết lòng, nhưng không thể hứa với nhau rằng ngày mai sẽ không có chia lìa.

... Người đàn bà bên bờ vịnh: một nỗi đau không chịu ngủ yên

Trong bốn truyện, *Người đàn bà bên bờ vịnh* có lẽ là truyện để lại trong tôi nhiều suy nghĩ nhất.

Nhân vật trung tâm là một người đàn bà gốc Á thường xuất hiện trên bãi biển Alki, ở Seattle. Bà mang thức ăn đến cho bầy hải âu, nói chuyện với chim, ngồi nhìn sóng, nhặt lá mùa thu rồi thả xuống mặt nước. Người qua lại đã quen với hình ảnh ấy, nhưng ít ai biết những gì đang

diễn ra trong lòng bà.

Thoạt nhìn, đây là một hình ảnh hơi kỳ lạ. Một người đàn bà trưởng thành, có gia đình, có con cháu, lại thường ngồi giữa bầy chim hoang, thủ thỉ với chúng như nói chuyện với người thân. Bà có thể trách chúng, dỗ dành chúng, kể cho chúng nghe chuyện mùa thu Seattle, chuyện thị trường chứng khoán, chuyện những năm tháng đã qua.

Đọc đến đây, ta có thể mỉm cười. Nhưng càng đọc, nụ cười ấy càng nhường chỗ cho một nỗi buồn khó gọi tên. Bởi lẽ, bà không chỉ đến biển để cho chim ăn.

Bà tìm đến biển vì trong lòng có những vết thương mà đời sống bình thường không dễ gì chữa lành. Những năm đầu ở Mỹ, bà có tự do, nhưng tự do không đồng nghĩa với hạnh phúc. Nỗi buồn từng khiến bà phải vào bệnh viện nhiều lần mà không tìm ra nguyên nhân rõ rệt. Rồi một ngày, bà đến biển, cho chim ăn, nghe tiếng sóng và bắt đầu tìm được một cách sống với nỗi cô đơn của mình.

Những bầy chim không hỏi bà từ đâu đến, vì sao buồn, đã trải qua những gì. Chúng chỉ đến ăn, bay đi, rồi lại trở về. Có lẽ chính sự đơn giản ấy đem lại cho bà một niềm an ủi.

Con người đôi khi cần một người để chuyện trò; nhưng cũng có lúc chỉ cần một nơi không bắt mình phải giải thích.

Biển là nơi như thế.

Trong truyện, người đàn bà thường thả những chùm hoa, những chiếc lá xuống sóng để gửi đến những người đã chết trên biển trong hành trình tìm tự do. Những chiếc lá mùa thu của Seattle, những màu sắc đẹp đẽ của miền đất mới, được bà gửi đi như những lời tưởng niệm không thành tiếng.

Chi tiết ấy khiến tôi nghĩ đến một điều: đối với người đã sống sót sau một biến cố lịch sử, niềm vui riêng đôi khi luôn đi kèm với một món nợ tinh thần đối với những người không may mắn.

Bà đã đến được bến bờ tự do. Bà có gia đình, có con cháu, có những ngày tháng bình yên. Nhưng bà không thể vì thế mà quên những người đã nằm lại giữa biển khơi. Hạnh phúc của người sống không làm cho cái chết của người đã khuất trở nên nhẹ nhàng hơn.

Và ký ức, trong trường hợp này, không phải là một thứ hành lý có thể bỏ xuống khi đã đến nơi an toàn. Nó là một phần của căn cước tinh thần, là điều khiến người đàn bà hiểu sâu hơn giá trị của sự sống và tự do mà mình đang có.

Tôi đặc biệt chú ý đến giọng nói của nhân vật. Bà vừa đau đớn, vừa châm biếm; vừa có lúc muốn quên hết mọi chuyện, vừa không thể thôi nhớ. Bà có thể than thở về đời sống, nói những lời nghe như trách móc, rồi lại trở về với những chiếc lá, bầy chim và mặt nước.

Cái giọng ấy làm nhân vật trở nên gần gũi. Bà không phải một biểu tượng được dựng lên để minh họa cho nỗi đau của người tị nạn. Bà là một con người có những

lúc yếu đuối, có lúc bực bội, có khi muốn trốn chạy, nhưng cuối cùng vẫn tiếp tục sống.

Đó là một điểm đáng quý của Thu Hương. Chị không cố biến nhân vật thành một người đàn bà lúc nào cũng can đảm, lúc nào cũng cao cả. Trái lại, nhân vật còn phản đối chính cái ý niệm phải luôn luôn can đảm. Bà biết người ta thường khuyên nhau hãy mạnh mẽ, hãy vượt qua, hãy quên đi; nhưng đối với người mất mát quá nhiều, những lời khuyên ấy đôi khi chỉ làm nỗi đau thêm cô độc.

Có những vết thương không thể chữa lành bằng một câu nói đẹp.

Có những người vẫn sống bình thường, vẫn cười nói, vẫn chăm lo cho con cháu, nhưng trong lòng vẫn có một miền không ai chạm tới được.

Và có lẽ, đối với người đàn bà bên bờ vịnh, việc ngồi cạnh những con chim hoang là một cách giữ cho miền ấy còn tồn tại mà không làm tổn thương những người chung quanh.

Truyện có một kết cấu đáng chú ý: hình ảnh người đàn bà bên biển dẫn người đọc từ hiện tại trở về quá khứ, rồi từ những lời thủ thỉ tưởng như rời rạc mở ra một câu chuyện lớn hơn về quê hương, chiến tranh, cuộc ra đi và những người đã chết trên biển. Cách chuyển đổi ấy giúp ký ức hiện lên tự nhiên, không cần một lời giới thiệu dài dòng.

Tuy nhiên, một số đoạn độc thoại của nhân vật kéo dài

và lặp lại cùng một nỗi niềm. Nếu được tiết chế đôi chút, truyện có thể tạo ra nhiều khoảng lặng hơn, để người đọc tự cảm nhận thay vì được nghe nhân vật giải thích quá nhiều. Nhưng chính sự trở đi trở lại của những lời than thở ấy cũng phần nào diễn tả tâm trạng một người không thể giải quyết dứt khoát nỗi đau của mình.

Tôi nghĩ, đây là truyện có sức gợi lâu dài nhất trong bốn truyện, bởi nó không chỉ kể về một người đàn bà cô đơn. Nó còn đặt ra câu hỏi về cách con người sống tiếp sau những biến cố mà mình không thể quên.

Thời gian có thể làm dịu nỗi đau, nhưng không phải lúc nào cũng xóa được ký ức. Đôi khi, điều chúng ta cần không phải là quên đi, mà là tìm một cách để sống cùng những gì đã mất.

... Trên đỉnh bình yên: hạnh phúc nằm trên đường đi

Sau ba truyện mang ít nhiều sắc thái trầm buồn, *Trên đỉnh bình yên* đưa ta trở lại với một đôi vợ chồng già cùng nhau đi bộ trên những con đường núi.

Người chồng khỏe mạnh, nhanh nhẹn, quen đi xa và leo núi. Người vợ chậm hơn, thường mệt, đôi khi than thở, nhưng lại say mê hoa rừng và những cảnh đẹp dọc đường. Chuyến đi lên Spray Park, thuộc vùng núi Rainier, trở thành một cuộc rong chơi đầy màu sắc.

Cũng như trong *Một chốn thời gian ngừng trôi*, Thu Hương không chỉ kể về phong cảnh. Chị kể về một đôi

vợ chồng đã sống bên nhau đủ lâu để hiểu cả những thói quen lẫn những điều trái ngược của nhau.

Người chồng muốn đi nhanh, người vợ muốn dừng lại chụp hình. Người chồng thích leo đến đỉnh núi, người vợ có thể say mê một cụm hoa nhỏ mọc bên đường. Người chồng nhớ tên nhiều loài hoa vì biết vợ thích hoa. Người vợ dù mệt vẫn vui vì được đi cùng chồng.

Câu chuyện có những đoạn đối thoại hóm hỉnh, mang giọng nói đời thường. Hai người gọi nhau bằng những tiếng thân mật, có lúc trách móc, có lúc đùa giỡn. Họ không cần phải tỏ ra lãng mạn trong từng lời nói, bởi sự gắn bó đã nằm trong cách họ chăm sóc nhau.

Người chồng không thúc ép vợ phải đi nhanh bằng mình. Ông biết nàng thích gì, tìm hiểu mùa hoa, chọn con đường có nhiều hoa rừng để đưa nàng đi. Người vợ cũng không hoàn toàn sống trong sở thích riêng của mình; nàng đi theo chồng, tập làm quen với những con đường dốc, những buổi leo núi dài và những cơn mệt nhọc.

Tình yêu ở tuổi này không còn là sự say mê chỉ biết nhìn nhau. Nó trở thành một nghệ thuật sống chung, trong đó mỗi người biết nhường một chút, chờ một chút, và vui với niềm vui của người kia.

Tôi thích nhất cái chi tiết người chồng lên đến nơi trước, rồi ngồi đợi vợ. Ông không lấy việc mình khỏe hơn để làm điều đáng tự hào. Ông chỉ chờ, đọc sách, nhìn cảnh vật và đợi người bạn đời của mình đến.

Trong đời sống, có những người đi rất nhanh nhưng không biết mình đang bỏ lại ai phía sau. Cũng có những người sẵn lòng chậm lại, bởi họ hiểu rằng đích đến không có ý nghĩa gì nhiều nếu người mình thương không cùng đến.

Đó là một thứ hạnh phúc giản dị, nhưng không phải ai cũng có được.

Điều đáng chú ý là nhân vật nữ không hề bị lý tưởng hóa. Bà mệt, đói, sợ đi lạc, thích chụp hình, thích ngắm hoa, có lúc ngủ ngay trên đám sỏi sau khi đến đích. Những chi tiết ấy đem lại cho truyện vẻ tự nhiên, khiến người đọc có cảm giác đang theo dõi một đôi vợ chồng có thật, chứ không phải hai nhân vật được tạo ra để nói những lời đẹp đẽ về tình yêu.

Sau gần bốn mươi năm sống ở Mỹ, người đàn bà đã có một gia đình, con cháu và một đời sống tương đối yên ổn. Nhưng bình yên, đối với bà, không có nghĩa là quá khứ đã biến mất. Những ký ức của một thời lưu lạc đôi khi vẫn trở về, làm lòng bà nhói đau giữa những ngày tháng hạnh phúc.

Đây là chỗ nối truyện thứ tư với ba truyện trước.

Thiên nhiên vẫn là nơi để con người tìm lại sự cân bằng. Tình yêu vẫn là chỗ dựa để người ta bước tiếp. Nhưng bình yên không phải là một trạng thái tuyệt đối, trong đó mọi đau buồn đều bị loại trừ. Bình yên là khi ta có thể sống với những điều chưa trọn vẹn, biết rằng đời mình đã có mất mát, nhưng vẫn còn những điều đáng yêu thương.

Nhan đề *Trên đỉnh bình yên* vì thế có thể hiểu theo hai nghĩa. Đó là đỉnh núi mà đôi vợ chồng đã nhọc nhằn đi tới; đồng thời cũng là một trạng thái tinh thần mà họ tìm thấy trên đường đi.

Bình yên không chỉ nằm ở đỉnh cao. Nó còn nằm trong bước chân chậm rãi của người vợ, trong sự kiên nhẫn của người chồng, trong một bông hoa nhỏ bên đường, trong bữa ăn đơn sơ sau chuyến leo núi, và trong niềm vui được cùng nhau trở về nhà.

Về nghệ thuật, truyện có ưu điểm ở lời đối thoại tự nhiên, những chi tiết sinh hoạt cụ thể và nét hài hước nhẹ nhàng. Nhân vật có cá tính, không bị chìm trong những đoạn tả cảnh dài. Tuy nhiên, một vài cuộc đối thoại và chi tiết về các chuyến đi có thể được rút gọn để nhịp truyện chặt chẽ hơn. Những đoạn hồi tưởng về quá khứ cũng có thể được đan xen tinh tế hơn vào câu chuyện hiện tại, thay vì đôi lúc giải thích trực tiếp ý nghĩa của sự bình yên.

Dẫu vậy, truyện vẫn có cái duyên riêng. Đọc xong, ta không chỉ nhớ những ngọn núi và những bông hoa rừng. Ta còn nhớ một đôi vợ chồng già, một người đi trước, một người theo sau, cùng nhau đi hết một con đường.

Và biết đâu, đó mới là điều đáng quý nhất của một đời người.

... Bốn truyện, một tâm hồn

Đọc riêng từng truyện, ta thấy Thu Hương có nhiều cách tiếp cận khác nhau. *Một chốn thời gian ngừng trôi* thiên về du ký và suy tưởng; *Hư ảo* nghiêng về tình yêu và bi kịch mất mát; *Người đàn bà bên bờ vịnh* khai thác nỗi cô đơn cùng ký ức của người tị nạn; còn *Trên đỉnh bình yên* đem lại tiếng cười nhẹ nhàng của đời sống lứa đôi.

Nhưng đặt cả bốn truyện cạnh nhau, ta nhận ra một sợi dây liên kết khá rõ. Đó là nỗi quan tâm của tác giả đối với những gì con người mang theo trong lòng.

Một người đàn bà đi giữa rừng núi, một người vợ mất chồng, một người đàn bà ngồi bên biển, một người vợ cùng chồng leo núi. Bốn nhân vật, bốn hoàn cảnh, nhưng đều có một đời sống nội tâm vượt ra ngoài những gì mắt thường nhìn thấy.

Thiên nhiên trong văn Thu Hương không chỉ là phong cảnh để ngắm. Nó là nơi con người nhớ lại, suy nghĩ, đau buồn, yêu thương và tìm kiếm sự bình yên.

Rừng núi gợi lại quê hương. Hoàng hôn đánh thức ký ức tình yêu. Bầy chim bên bờ vịnh trở thành những người bạn thầm lặng của một tâm hồn cô độc. Những bông hoa trên đường núi làm cho cuộc sống vợ chồng thêm thi vị.

Cảnh vật không đứng riêng một bên, còn con người đứng riêng một bên. Hai thế giới ấy thường xuyên hòa vào nhau.

Điều này có lẽ liên quan đến một nét đặc biệt trong tâm hồn Thu Hương: chị vừa là nhà văn, vừa là họa sĩ.

Người họa sĩ nhìn thế giới bằng màu sắc, đường nét, ánh sáng và bố cục. Người viết văn lại muốn đi xa hơn những gì mắt thấy, tìm đến những cảm xúc và ý nghĩa nằm phía sau cảnh vật. Trong bốn truyện, có thể nhận ra sự phối hợp giữa hai cách nhìn ấy.

Thu Hương chú ý đến màu sắc của lá phong, ánh nắng trên thân cây, những cánh hoa nhỏ giữa sỏi đá, màu trời khi mặt trời lặn. Nhưng chị không dừng ở việc tả cho đẹp. Những màu sắc ấy thường gắn với một tâm trạng, một kỷ niệm hay một nỗi niềm khó nói.

Dẫu vậy, nếu phải chọn một nét nổi bật nhất trong văn chị, tôi vẫn chọn khả năng kết hợp cảnh vật với ký ức.

Có người nhớ quê hương khi nghe một bài hát cũ. Có người nhớ quê hương khi gặp một món ăn quen. Có người chỉ cần nhìn thấy một vầng trăng cũng đủ bồi hồi. Với Thu Hương, thiên nhiên thường là chiếc chìa khóa mở cánh cửa ký ức.

Nhưng ký ức trong văn chị không chỉ có quê hương Việt Nam. Nó còn có những năm tháng xây dựng cuộc sống mới ở Mỹ, có những người thân đã mất, những cuộc tình đã qua, những người không trở về, và những hạnh phúc đang hiện hữu.

Đó là một ký ức nhiều tầng, vừa riêng tư vừa mang dấu ấn lịch sử.

Tôi cũng nhận thấy Thu Hương có khuynh hướng muốn nói hết những điều mình cảm nhận. Khi yêu một cảnh đẹp, chị muốn diễn tả thật đầy đủ. Khi đau lòng, chị muốn giải thích nỗi đau từ nhiều phía. Khi tìm thấy một ý nghĩa trong đời sống, chị muốn chia sẻ ngay với người đọc.

Đây là ưu điểm lớn vì nó tạo nên giọng văn nồng nhiệt và chân thành.

... Lời kết: một chút đồng thanh tương ứng

Tôi chưa từng gặp chị Thu Hương.

Tôi không biết ngoài đời chị có giống những nhân vật trong truyện hay không, có thích ngồi hàng giờ bên một dòng suối, có thường nói chuyện với những con chim biển, có say mê hoa rừng đến mức quên cả mệt nhọc, hay có khi cũng chỉ muốn ngồi yên bên một tách cà phê để nhìn lại những năm tháng đã qua. Nhưng có lẽ, tôi không cần biết hết những điều ấy mới có thể cảm nhận được một phần tâm hồn chị.

Văn chương vốn có cái lạ như vậy. Người viết có thể kể chuyện của một nhân vật không phải chính mình, đặt nhân vật vào những hoàn cảnh khác hẳn đời sống của mình, nhưng vẫn để lộ một phần cách mình nhìn con người và thế giới.

Đọc *Một chốn thời gian ngừng trôi*, tôi cảm nhận được tình yêu thiên nhiên và nỗi nhớ quê hương.

Đọc *Hư ảo*, tôi nghĩ đến sự mong manh của hạnh phúc và những mất mát không thể lấy lại.

Đọc *Người đàn bà bên bờ vịnh*, tôi hiểu thêm một chút về nỗi cô đơn của người đã sống sót, về cái giá của tự do và về những ký ức không thể bỏ lại sau lưng.

Đọc *Trên đỉnh bình yên*, tôi mỉm cười trước một đôi vợ chồng đã tìm được niềm vui trong những khác biệt rất đời thường, rồi chợt nghĩ rằng có lẽ hạnh phúc lâu dài không phải là hai người lúc nào cũng giống nhau, mà là hai người biết cách cùng nhau đi hết con đường.

Bốn truyện, bốn sắc thái, nhưng đều cho thấy một người viết có lòng với đời sống, với con người và với những gì đã qua.

Điều khiến tôi có cảm tình với Thu Hương không chỉ là những trang văn, mà còn là sự thân ái chị dành cho một người chưa từng gặp mặt. Chị ký tặng sách, và từ món quà ấy, tôi có dịp bước vào thế giới của chị. Một cử chỉ nhỏ, nhưng trong đời sống văn chương, những cử chỉ như thế thường có ý nghĩa hơn người ta tưởng. Bởi văn chương, suy cho cùng, không chỉ là chuyện viết và đọc. Nó còn là một cách con người tìm đến nhau, nhận ra nhau qua những điều tưởng chừng rất riêng tư.

Tôi từng nghĩ, giữa những người cầm bút, có một thứ duyên không cần gặp mặt mà vẫn có thể nhận ra. Có thể đó là sự đồng cảm trước một kỷ niệm, một nỗi buồn, một cảnh đẹp, hay một cách nhìn đời. Khi đọc đến một câu văn nào đó, ta bỗng thấy lòng mình khẽ động, như thể người viết vừa nói hộ một điều mà chính mình cũng

từng nghĩ đến, nhưng chưa tìm được lời để diễn tả.

Tôi tạm gọi đó là sự *đồng thanh tương ứng.*

Không có nghĩa là hai người cùng tuổi, cùng hoàn cảnh hay cùng quan niệm trong mọi chuyện. Chỉ là giữa những tâm hồn khác nhau, đôi khi vẫn có một điểm gặp gỡ, đủ để người này nhận ra người kia.

Có lẽ, tôi đã tìm thấy một chút duyên ấy trong văn Thu Hương. Và nếu được chọn một hình ảnh để nhớ về chị sau khi khép lại bốn truyện ngắn, tôi sẽ không chọn một đỉnh núi cao, một cánh buồm trắng hay một buổi hoàng hôn rực rỡ. Tôi muốn nhớ một người đàn bà ngồi bên bờ vịnh Seattle, nhìn những chiếc lá mùa thu trôi xa trên mặt nước.

Bà không thể đưa những người đã mất trở về. Bà cũng không thể làm cho quá khứ trở thành một câu chuyện đã hoàn toàn khép lại. Bà chỉ có thể ngồi đó, giữa thiên nhiên của miền đất mới, gửi theo những chiếc lá một chút tình thương dành cho những người không còn nữa.

Nhưng có lẽ, như thế đã là đủ.

Bởi một người còn biết nhớ thương, còn biết đau lòng trước nỗi bất hạnh của người khác, còn biết tìm vẻ đẹp trong một bông hoa dại hay một buổi chiều bình yên, thì người ấy vẫn còn giữ được một phần rất đáng quý của tâm hồn mình.

Tôi nghĩ Thu Hương cũng vậy.

Và tôi xin cảm ơn chị, không chỉ vì quyển sách đã ký

tặng, mà còn vì những trang viết đã cho tôi một dịp dừng lại giữa những ngày bận rộn, để nhớ rằng cuộc đời dù có nhiều mất mát, vẫn còn những cảnh đẹp đáng nhìn, những người đáng quý, những tình cảm đáng gìn giữ.

Seattle có thể xanh mãi ngàn năm trong tựa sách. Nhưng trong lòng người đọc, màu xanh ấy không chỉ là màu của rừng núi và mặt nước. Nó còn là màu của ký ức, của tình yêu, của lòng biết ơn và của niềm hy vọng rằng, sau những mùa thu chia ly, con người vẫn có thể tìm được cho mình một đỉnh bình yên.

Và biết đâu, trong một ngày nào đó, giữa một khu vườn đầy hoa hay bên một bờ biển xa, tôi sẽ lại nhớ đến người bạn văn chưa từng gặp mặt của mình.

Một người đàn bà yêu núi rừng, yêu hoa cỏ, yêu văn chương, và mang theo trong lòng một quê hương không bao giờ hoàn toàn xa cách.

Thu Hương — người bạn văn của những mùa thu ở bên kia nỗi nhớ.